

QUỸ ETF FPT CAPITAL VNX50
được quản lý bởi
Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư FPT
FPT CAPITAL VNX50 ETF
managed by
FPT Fund Management JSC

Số/No.: 2803.01/2025/CV-FPTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025
Ha Noi, March 28, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi minh City Stock Exchange*

1. Tên Công ty Quản lý Quỹ/ *Name of FMC*: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT/ *FPT Fund Management Joint Stock Company*

- Tên quỹ ETF niêm yết/ *Name of listed fund*: **Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50/ *FPT CAPITAL VNX50 ETF***

- Mã chứng khoán/ *Stock code*: **FUEFCV50**

- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Tầng 7, Khối 17 tầng, Tòa nhà FPT Tower, Số 10 Phố Phạm Văn Bạch, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội/ *7th floor, 17-storey block, FPT Tower, 10 Pham Van Bach Street, Dich Vong Ward, Cau Giay District, Hanoi city*

- Điện thoại/ *Tel*: (84) 24 – 7300 1313

- Email: etffcapvnx50@fpt.com

Website: <https://fptcapital.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tổng kết hoạt động Quản lý Quỹ năm 2024**

Contents of information disclosure: Report on Summary of Fund Activities in 2024

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/ Quỹ vào ngày 28/03/2025 tại đường dẫn: <https://fptcapital.com.vn/> / *This information was published on the company's/the Fund's website on 28/03/2025, as in the link: https://fptcapital.com.vn/*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/ *Attachment*:

Báo cáo tổng kết hoạt động Quản lý Quỹ năm 2024/ *Report on Summary of Fund Activities in 2024*

Người được ủy quyền công bố thông tin

Attorney-in-fact to publish information



NGUYỄN THÀNH LONG

BÁO CÁO
Tổng kết hoạt động quản lý quỹ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

1. Thông tin về quỹ

a) Tên của quỹ, loại hình quỹ:

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ FPT Capital (FPT Capital)

Tên Quỹ ETF niêm yết: Quỹ ETF FPT Capital VNX50

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 là mô phỏng gần nhất có thể biến động của Chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VNX50 do HOSE và HNX xây dựng Quy tắc chỉ số, HOSE quản lý chỉ số hàng ngày như được mô tả chi tiết tại Bản cáo bạch. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đảm bảo mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỷ lệ lợi nhuận của Chỉ số tham chiếu bằng cách đầu tư vào Danh mục chứng khoán cơ cấu của Chỉ số tham chiếu. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của Chỉ số tham chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có): được tính từ ngày được UBCKNN cấp giấy thành lập quỹ (04/04/2023) và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio) (nếu có): Danh mục chỉ số VNX50

STT	Mã cổ phiếu	STT	Mã cổ phiếu
1	ACB	26	NLG
2	CTG	27	PDR
3	DCM	28	PNJ
4	DGC	29	POW
5	DIG	30	PVD
6	DPM	31	PVS
7	EIB	32	SHB
8	FPT	33	SHS
9	FRT	34	SSB
10	GEX	35	SSI
11	GMD	36	STB

12	HCM	37	TCB
13	HDB	38	TPB
14	HPG	39	VCB
15	HSG	40	VCG
16	HUT	41	VCI
17	IDC	42	VHM
18	KBC	43	VIB
19	KDC	44	VIC
20	KDH	45	VJC
21	LPB	46	VND
22	MBB	47	VNM
23	MSB	48	VPB
24	MSN	49	VPI
25	MWG	50	VRE

e) Chính sách phân chia lợi nhuận:

Được quy định theo Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch. Theo đó, lợi nhuận có thể được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên báo cáo đã được kiểm toán, do đề xuất của Công ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho nhà đầu tư được thanh toán bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ ("CCQ") phát hành thêm.

f) Số lượng đơn vị quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đang lưu hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 5.600.000 Chứng chỉ Quỹ ("CCQ")

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ quỹ/Điều lệ trong kỳ báo cáo (nếu có): Không có

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư/Đại hội đồng cổ đông trong kỳ báo cáo (nếu có):

Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư thường niên năm 2024 số 2504.02/2024/FPTC/ETF_NQĐHNĐT ngày 25 tháng 04 năm 2024 đã thông qua các nội dung: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2023; Thông qua Báo cáo Tổng kết của Ngân hàng giám sát năm 2023; Thông qua hoạt động của Ban đại diện Quỹ năm 2023; Thông qua Báo cáo tài chính của Quỹ đã kiểm toán năm 2023; Thông qua Kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2024; Thông qua lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện toàn bộ dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm của năm 2024; Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban đại diện Quỹ Bà Đoàn Thị Vân Anh và bầu thành viên Ban đại diện Quỹ mới nhiệm kỳ 2023-2028; Thông qua việc bầu Bà Trần Thị Hà Thu là thành viên Ban Đại diện Quỹ nhiệm kỳ 2023-2028 thay thế Bà Đoàn Thị Vân Anh.

Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư bất thường năm 2024 số 2611.02/2024/FPTC-ETF_NQĐHNĐT ngày 26/11/2024 đã thông qua các nội dung sau: Thông qua việc miễn nhiệm Ông Ryosuke Hayashi _ Thành viên độc lập, Chủ tịch Ban đại diện Quỹ nhiệm kỳ 2023 - 2028; thông qua việc bầu Ông Shuzo Shikata làm Thành viên độc lập, Chủ tịch Ban đại diện Quỹ nhiệm kỳ 2023 -2028 thay thế Ông Ryosuke Hayashi.

i) Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn

về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT đã tuân thủ đúng các quy định về hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ ETF FPT Capital VNX50

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất, cụ thể:

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bổ theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) (không nêu chi tiết cả danh mục theo mã chứng khoán):

Cơ cấu tài sản quỹ	Tại ngày 31/12/2024 (%)	Tại ngày 31/12/2023 (%)	Tại ngày 31/12/2022 (%) (*)
Danh mục cổ phiếu	99,19	98,29	
Tài sản khác	0,81	1,71	
Cộng	100	100	

Ngành (%NAV)	Tại ngày 31/12/2024 (%)	Tại ngày 31/12/2023 (%)	Tại ngày 31/12/2022 (%) (*)
Tài chính	40,50	38,02	
Bất động sản	11,87	15,20	
Tiêu dùng	8,07	10,67	
Công nghệ	15,54	10,01	
Bán lẻ	9,90	7,77	
Tài nguyên cơ bản	4,12	4,86	
Hoá chất	3,43	3,50	
Hàng không	2,31	2,93	
Hàng công nghiệp & Dịch vụ	1,55	1,92	
Dầu khí	1,32	1,80	
Xây dựng & Vật liệu	0,47	1,09	
Tiện ích	0,46	0,51	
Tài sản khác	0,46	1,71	
Tổng	100	100	

(*) Quỹ được cấp phép thành lập ngày 04/04/2023 nên không có số liệu tại kỳ năm 2022

STT	Nội dung	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2022 (*)
1	Giá trị tài sản ròng (VNĐ)	72.694.746.141	63.780.239.764	
2	Giá trị tài sản ròng trên 1 lô CCQ (VNĐ)	1.298.120.466	1.099.659.306	

3	Giá trị tài sản ròng/một đơn vị (CCQ) đang lưu hành	12.981,20	10.996,59	
4	Số lượng chứng chỉ quỹ (CCQ) đang lưu hành	5.600.000	5.800.000	
5	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong năm (VNĐ)	13.155,85	12.105,66	
6	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong năm (VNĐ)	10.981,08	9.533,95	
7	Tổng thu nhập của quỹ (VNĐ), trong đó:	12.667.883.482	7.185.975.166	
	- Thu nhập/lỗ từ sự tăng/giảm giá chứng khoán (VNĐ)	10.844.198.205	6.204.649.316	
	- Lãi/lỗ các khoản đầu tư (VNĐ)	547.243.995	(279.706.166)	
	- Thu nhập thu được từ lợi tức chứng khoán (VNĐ)	1.275.052.080	1.259.380.000	
	- Tiền lãi được nhận (VNĐ)	1.389.202	1.652.016	
8	Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (VNĐ)	-	-	
9	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ/giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	1,92%	2,28%	
10	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%)	2,08%	7,79%	

(*) Quỹ được cấp phép thành lập ngày 04/04/2023 nên không có số liệu tại kỳ năm 2022 và năm 2021

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau của công ty đầu tư chứng khoán (nếu có), các giao dịch repo/reverse repo: Không có

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Nội dung	01/01/2024 – 31/12/2024	04/04/2023 – 31/12/2023 (*)	01/01/2022 – 31/12/2022 (*)
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN trong kỳ (VNĐ)	11.311.987.722	6.144.066.230	

(*) Quỹ được cấp phép thành lập ngày 04/04/2023 nên không có số liệu tại kỳ năm 2022

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Không có

d) Các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có): Không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ):

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất kết quả hoạt động và sự biến động của chỉ số VNX50. Kết thúc năm, Quỹ đã đạt được mục tiêu đề ra khi mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu chỉ ở mức thấp khoảng 0,6%.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ số 45/GCN-UBCK vào ngày 04/04/2023, do đó dữ liệu được tính từ ngày 04/04/2023.



d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị):

Quỹ mới được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ số 45/GCN-UBCK vào ngày 04/04/2023, do đó không có đủ cơ sở dữ liệu để thực hiện so sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu lợi nhuận bám sát tỷ lệ lợi nhuận cấu Chỉ Số Tham Chiếu bằng cách đầu tư vào danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu thuộc Chỉ Số Tham Chiếu. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Quỹ phải phù hợp với danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Chỉ Số Tham Chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản theo quy định và bảo đảm mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu gần nhất không vượt quá mức sai lệch tối đa theo

quy định của HOSE và quy định của Pháp Luật.

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm khác nhau dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu tư. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch và quy định của pháp luật.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán năm liền kề năm báo cáo:

Trong năm 2024, Quỹ đã có 2 đợt thực hiện tái cơ cấu lại danh mục đầu tư theo công bố của HOSE về việc thay đổi danh mục thành phần của chỉ số VNX50.

Đợt 1: 26/4/2024-3/5/2024

Giao dịch	Mua	Bán
Mã cổ phiếu	FRT, HUT, NVL	SBT, VGC, VPI

Đợt 2: 30/10/2024-4/11/2024

Giao dịch	Mua	Bán
Mã cổ phiếu	SSB, VPI	NVL, VHC

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

Chỉ số	Tỷ suất lợi nhuận (từ 1/1/2024 đến 31/12/2024)
Giá trị tài sản ròng/đơn vị chứng chỉ Quỹ ETF FPT Capital VNX50	18,06%
VNX50	18,26%

Về cơ bản, tỷ suất lợi nhuận của Quỹ phù hợp với tỷ suất lợi nhuận của chỉ số tham chiếu VNX50.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ/công ty đầu tư chứng khoán đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chips, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap)

Chỉ số	Index đóng cửa (D) Ngày: 31/12/2024	Index đóng cửa (D) Ngày: 29/12/2023	Tỷ suất lợi nhuận
VNINDEX	1.266,78	1.129,93	12,1%
VN30	1.344,75	1.131,46	18,9%
VNMID	1.900,74	1.729,44	9,9%
VNSML	1.451,02	1.371,45	5,8%

Trong năm 2024, các chỉ số chứng khoán của Việt Nam đều có mức tăng trưởng vừa phải. Thị trường có sự phân hóa khá mạnh trong năm khi nhóm cổ phiếu VN30 là đại diện cho 30 cổ phiếu blue chip có vốn hóa lớn và thanh khoản tốt đang có mức tăng ấn tượng nhất: 18,9%. Chỉ số VN-Index đại diện cho toàn bộ các cổ phiếu niêm yết trên sàn chứng khoán TP Hồ Chí Minh có mức tăng thấp hơn: 12,1%. Nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ đại diện bởi 2 chỉ số là VNMID và VNSML có mức tăng khiêm tốn lần lượt là 9,9% và 5,8%.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): Không có

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ/cổ đông công ty đầu tư chứng khoán: Không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Không có

m) Các thông tin khác (nếu có): Không có

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024, đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, ngân hàng giám sát đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ ETF FPT Capital VNX50 với các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): Không có

b) Việc lưu ký tài sản của quỹ: Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hoán đổi danh mục, Điều lệ, bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ/công ty đầu tư chứng khoán, Bản cáo bạch:

Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Trong kỳ, Quỹ đã thực hiện việc phát hành thêm và hoán đổi chứng chỉ quỹ tuân thủ theo quy định pháp luật liên quan hiện hành, quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch của Quỹ.

f) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán là phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán: Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Đối với Quỹ ETF FPT Capital VNX50, các đơn vị nhận ủy quyền bao gồm:

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành cung cấp dịch vụ Quản trị Quỹ
- Trung tâm Lưu Ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng
- Đại lý phân phối kiêm Thành viên lập quỹ:
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS)
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (MAS)
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE (DNSE)

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán;

Chỉ tiêu	Chi phí 12 tháng năm 2024(VNĐ)	Tỷ lệ so với Lợi nhuận (%)	Tỷ lệ so với Thu nhập (%)	Tỷ lệ so với Tổng chi phí hoạt động Quỹ (%)
----------	--------------------------------	----------------------------	---------------------------	---

Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF	246.933.500	2,2%	1,9%	18,3%
Phí dịch vụ giám sát	66.000.000	0,6%	0,5%	4,9%
Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF	198.000.000	1,8%	1,6%	14,6%
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	66.000.000	0,6%	0,5%	4,9%
Tổng chi phí cho hoạt động ủy quyền	510.933.500	4,5%	4,0%	37,8%

b) Việc đăng ký sở hữu tài sản (đối với trường hợp công ty đầu tư chứng khoán bất động sản): Không có

c) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán: chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể, do đó không ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ.

d) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): trình bày tại mục 5.a

đ) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Các bên nhận ủy quyền đều đáp ứng được yêu cầu về hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, ..., do đó, đảm bảo quy trình nghiệp vụ được ủy quyền diễn ra thông suốt, không bị gián đoạn.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

Đại diện pháp luật
CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ FPT



Chủ tịch HĐQT

Ngô Thanh Hải



No.: 28032025 ETF Fund/CV-FPTC

Hanoi, March 28, 2025

REPORT

Summary of Fund Management Activities

To:

- State Securities Commission
- Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Fund Information

a) Fund name and type:

FPT Fund Management Joint Stock Company ("FPT Capital")

Listed ETF Fund name: FPT Capital VNX50 ETF Fund

b) Fund investment objectives:

The investment objective of the FPT Capital VNX50 ETF Fund is to closely replicate the fluctuations of the reference index after deducting the Fund's costs. The reference index is the VNX50 index, constructed and managed daily by HOSE and HNX as detailed in the Prospectus. The Fund Management Company is responsible for ensuring that the deviation from the reference index does not exceed the maximum allowable deviation as stipulated by HOSE.

The Fund applies a passive investment strategy with the goal of closely tracking the return rate of the reference index by investing in the securities portfolio structured according to the reference index. The Fund's investment portfolio must align with the reference index's portfolio in terms of structure and asset allocation as per current legal regulations.

c) Fund operation duration (if any):

The Fund's operation duration is calculated from the date of establishment approval by the State Securities Commission (April 4, 2023) and is not limited in duration.

d) Reference portfolio (benchmark portfolio) (if any): VNX50 Index Portfolio

No.	Stock Code	No.	Stock Code
1	ACB	26	NLG
2	CTG	27	PDR
3	DCM	28	PNJ
4	DGC	29	POW
5	DIG	30	PVD
6	DPM	31	PVS
7	EIB	32	SHB
8	FPT	33	SHS
9	FRT	34	SSB
10	GEX	35	SSI

No.	Stock Code	No.	Stock Code
11	GMD	36	STB
12	HCM	37	TCB
13	HDB	38	TPB
14	HPG	39	VCB
15	HSG	40	VCG
16	HUT	41	VCI
17	IDC	42	VHM
18	KBC	43	VIB
19	KDC	44	VIC
20	KDH	45	VJC
21	LPB	46	VND
22	MBB	47	VNM
23	MSB	48	VPB
24	MSN	49	VPI
25	MWG	50	VRE

e) Profit distribution policy:

As stipulated in the Fund Charter and Prospectus. Accordingly, profits may be distributed to investors based on audited reports, upon the proposal of the Fund Management Company, the Fund Representative Board, and approval by the most recent investor meeting. Dividends paid to investors are settled in cash or issuance of additional Fund Certificates ("CCQ").

f) Number of outstanding Fund units/securities as of December 31, 2024: 5,600,000 Fund Certificates ("CCQ")

g) Changes to the Fund Charter during the reporting period (if any): None

h) Resolutions of the Investor Meeting/Shareholders' Meeting during the reporting period (if any):

- Resolution No. 2504.02/2024/FPTC/ETF_NQĐHNĐT dated April 25, 2024, approved the following:
 - The Fund's 2023 performance report;
 - The 2023 summary report by the Custodian Bank;
 - The activities of the Fund Representative Board in 2023;
 - The audited financial statements of the Fund for 2023;
 - The Fund's operational plan for 2024;
 - The selection of Ernst & Young Vietnam Ltd. to perform the review of semi-annual financial statements and audit of annual financial statements for 2024;
 - The dismissal of Ms. Doan Thi Van Anh as a member of the Fund Representative Board and the election of a new member for the 2023-2028 term;
 - The election of Ms. Tran Thi Ha Thu as a member of the Fund Representative Board

for the 2023-2028 term, replacing Ms. Doan Thi Van Anh.

- Resolution No. 2611.02/2024/FPTC-ETF_NQĐHNĐT dated November 26, 2024, approved the following:
 - The dismissal of Mr. Ryosuke Hayashi as an independent member and Chairman of the Fund Representative Board for the 2023-2028 term;
 - The election of Mr. Shuzo Shikata as an independent member and Chairman of the Fund Representative Board for the 2023-2028 term, replacing Mr. Ryosuke Hayashi.

i) Custodian Bank's opinions on the contents stipulated in the Circular guiding the operation and management of securities investment funds:

From January 1, 2024, to December 31, 2024, FPT Fund Management Company has complied with the regulations guiding the operation and management of the FPT Capital VNX50 ETF Fund.

2. Fund Performance Report

a) Information on the investment portfolio and net asset value of the Fund as of December 31 of the last three years:

- The Fund's investment portfolio is distributed by sector, industry, and product type (stocks, bonds, etc.) (detailed portfolio by security code is not provided):

Asset Allocation	As of 12/31/2024 (%)	As of 12/31/2023 (%)	As of 12/31/2022 (%)
Stock Portfolio	99.19	98.29	-
Other Assets	0.81	1.71	-
Total	100	100	-

Sector (%NAV)	As of 12/31/2024 (%)	As of 12/31/2023 (%)	As of 12/31/2022 (*) (%)
Financials	40.50	38.02	-
Real Estate	11.87	15.20	-
Consumer Goods	8.07	10.67	-
Technology	15.54	10.01	-
Retail	9.90	7.77	-
Basic Resources	4.12	4.86	-
Chemicals	3.43	3.50	-
Airlines	2.31	2.93	-
Industrials & Services	1.55	1.92	-
Oil & Gas	1.32	1.80	-
Construction & Materials	0.47	1.09	-
Utilities	0.46	0.51	-
Other Assets	0.46	1.71	-

Sector (%NAV)	As of 12/31/2024 (%)	As of 12/31/2023 (%)	As of 12/31/2022 (*) (%)
Total	100	100	100

(*) Note: The Fund was established on April 4, 2023, so there is no data for 2022

No.	Content	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2022 (*)
1	Net Asset Value (VND)	72,694,746,141	63,780,239,764	-
2	Net Asset Value per Lot of Fund Certificates (VND)	1,298,120,466	1,099,659,306	-
3	Net Asset Value per Outstanding Fund Unit (VND)	12,981.20	10,996.59	-
4	Number of Outstanding Fund Certificates (CCQ)	5,600,000	5,800,000	-
5	Highest Net Asset Value per Fund Unit in the Year (VND)	13,155.85	12,105.66	-
6	Lowest Net Asset Value per Fund Unit in the Year (VND)	10,981.08	9,533.95	-
7	Total Fund Income (VND), of which:	12,667,883,482	7,185,975,166	-
	- Income/Loss from Increase/Decrease in Securities Value (VND)	10,844,198,205	6,204,649,316	-
	- Profit/Loss from Investments (VND)	547,243,995	(279,706,166)	-
	- Income from Securities Dividends (VND)	1,275,052,080	1,259,380,000	-
	- Interest Received (VND)	1,389,202	1,652,016	-
8	Distributed Profit per Fund Unit (VND)	-	-	-
9	Fund Operating Cost Ratio/Average Net Asset Value during the Period (%)	1.92%	2.28%	-
10	Portfolio Turnover Rate during the Period (%)	2.08%	7.79%	-

Notes:

- (*) The Fund was established on April 4, 2023, so there is no data for 2022.

Information on borrowings, deferred payment items of the securities investment company (if any), repo/reverse repo transactions: None

b) Fund profit indicators:

Content	01/01/2024 - 12/31/2024	04/04/2023 - 12/31/2023	01/01/2022 - 12/31/2022
Total post-tax accounting profit during the period (VND)	11,311,987,722	6,144,066,230	-

Note: The Fund was established on April 4, 2023, so there is no data for 2022.

c) Other comparative indicators, ensuring compliance with principles:

- The method and principles for determining asset value and profit value are consistent, publicly disclosed, and verified by an independent organization: The principles for determining the Fund's asset value are detailed in the Fund Charter and the Fund's valuation book.
- Data provided by an independent organization: None

d) Information on the Fund's past performance is for reference only and does not guarantee future profitability for investors.

3. Report on the Fund Management Company's Asset Management Activities

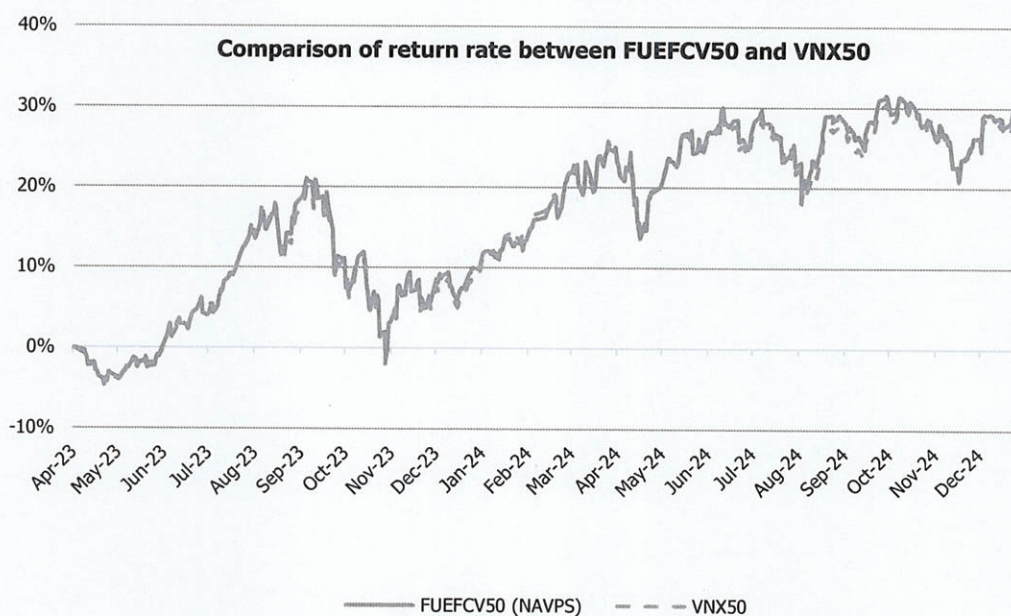
The report on the Fund Management Company's asset management activities must include the following:

- Explanation of changes in the Fund Management Company (if any): None
- Explanation of whether the Fund has achieved its investment objectives (this explanation is only required in the Fund's annual report):

The Fund's objective is to closely replicate the performance and fluctuations of the VNX50 index. At the end of the year, the Fund achieved its objective with a deviation from the reference index of only 0.6%.

c) Comparison of the Fund's profit with the reference portfolio's profit and the base index published in the Prospectus for the same reporting period (using charts): The Fund was granted establishment approval by the State Securities Commission on April 4, 2023, so data is calculated from April 4, 2023.

d) Comparison of the Fund's profit with the reference portfolio's profit and the base index



published in the Prospectus over the last five years, up to the reporting date (using charts): The Fund was granted establishment approval by the State Securities Commission on April 4, 2023, so there is insufficient data to compare the Fund's profit with the reference portfolio's profit and the base index over the last five years.

e) Description of the investment strategies and tactics used by the Fund during the reporting period. If there are differences between the actual strategies and tactics used during the period and those disclosed in the Prospectus, an explanation and evaluation of the advantages and disadvantages of the strategies and tactics used during the period must be provided: The Fund applies a passive investment strategy with the goal of closely tracking the return rate of the reference index by investing in the securities portfolio structured according to the

reference index. The Fund's investment portfolio must align with the reference index's portfolio in terms of structure and asset allocation as per current legal regulations.

The Fund has flexibility in asset allocation depending on market conditions and investment opportunities at different times based on the Fund Management Company's assessment, with the overarching goal of protecting investors' interests throughout the Fund's operation. However, asset allocation must not exceed the investment limits stipulated in the Fund Charter, Prospectus, and legal regulations.

f) Description of differences in the Fund's investment portfolio structure at the reporting date compared to the investment portfolio of the Fund/securities investment company in the previous year:

In 2024, the Fund rebalanced its investment portfolio twice following HOSE's announcements on changes to the VNX50 index composition.

Phase I: April 26, 2024 - May 3, 2024

Transaction	Buy	Sell
Stock Code	FRT, HUT, NVL	SBT, VGC, VPI

Phase II: October 30, 2024 - November 4, 2024

Transaction	Buy	Sell
Stock Code	SSB, VPI	NVL, VHC

g) Analysis of the Fund's performance based on the comparison of the net asset value per Fund unit (after adjusting for distributed profits, if any) in this reporting period and the most recent reporting period:

Indicator	Return Rate (from 01/01/2024 to 12/31/2024)
Net Asset Value per FPT Capital VNX50 ETF Fund Unit	18.06%
VNX50 Index	18.26%

The Fund's return rate is generally in line with the reference index's return rate.

h) Evaluation of market fluctuations during the reporting period, including foreign markets in which the Fund/securities investment company invests, and information on investment returns for each asset type: stocks, blue-chip stocks, small-cap stocks:

Index	Closing Index (D) (12/31/2024)	Closing Index (D) (12/29/2023)	Return Rate
VNINDEX	1,266.78	1,129.93	12.1%
VN30	1,344.75	1,131.46	18.9%
VNMID	1,900.74	1,729.44	9.9%
VNSML	1,451.02	1,371.45	5.8%

In 2024, Vietnam's stock indices experienced moderate growth. The market showed significant differentiation, with the VN30 index, representing 30 large-cap blue-chip stocks with good liquidity, recording the most impressive growth at 18.9%. The VN-Index, representing all stocks listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange, grew at a lower rate of 12.1%. The mid-cap and small-cap stocks, represented by the VNMID and VNSML indices, grew modestly at 9.9% and 5.8%, respectively.

i) Information on Fund unit splits during the period (if any); the impact of Fund unit splits on the net asset value per Fund unit (before and after the split): None

k) Cases affecting the rights of Fund unit holders/securities investment company shareholders: None

l) Information on transactions with related parties (if any): None

m) Other information (if any): None

4. Report on the Custodian Bank's Supervisory Activities

From 01 January 2024 to December 31, 2024, the Custodian Bank provided opinions on compliance with legal regulations, the Fund Charter, and the Fund's Prospectus during the operation and management of the FPT Capital VNX50 ETF Fund, including the following:

a) Explanation of changes in the Custodian Bank (if any): None

b) Fund asset custody: The custody of Fund assets complied with current securities laws, the Fund Charter, the Fund's Prospectus, and related legal documents.

c) Compliance with investment restrictions, borrowing limits as per legal regulations, the Fund Charter, and the Prospectus: FPT Fund Management Joint Stock Company complied with the investment limits stipulated in current securities laws, the Fund's Prospectus, and related legal documents.

d) Determination of net asset value as per legal regulations, the Fund Charter/securities investment company's Charter, and the Prospectus: The valuation and assessment of the Fund's assets were consistent with the Fund Charter, the Fund's Prospectus, and related legal documents.

e) Issuance of additional Fund units, repurchase of Fund units as per legal regulations, the Fund Charter, and the Prospectus: During the period, the Fund issued additional units and exchanged Fund units in compliance with current legal regulations, the Fund Charter, and the Fund's Prospectus.

f) Distribution of Fund/securities investment company profits in line with the Fund's investment objectives: During the period, the Fund did not distribute profits.

5. Report on Delegation Activities

For the FPT Capital VNX50 ETF Fund, the delegated entities include:

- Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Ha Thanh Branch, providing Fund Administration services
- Vietnam Securities Depository Center, providing transfer agency services
- Distribution agents and authorized participants:
 - Bao Viet Securities Joint Stock Company (BVSC)
 - FPT Securities Joint Stock Company (FPTS)
 - Mirae Asset Securities Joint Stock Company (MAS)
 - DNSE Securities Joint Stock Company (DNSE)

a) Costs payable to the delegated entities compared to profits, income, and total operating costs of the Fund/securities investment company:

Indicator	Cost for 12 months in 2024 (VND)	Ratio to Profit (%)	Ratio to Income (%)	Ratio to Total Operating Costs (%)
Fund custody fee	246,933,500	2.2%	1.9%	18.3%
Supervisory fee	66,000,000	0.6%	0.5%	4.9%

Indicator	Cost for 12 months in 2024 (VND)	Ratio to Profit (%)	Ratio to Income (%)	Ratio to Total Operating Costs (%)
Fund administration service fee	198,000,000	1.8%	1.6%	14.6%
Transfer agency service fee	66,000,000	0.6%	0.5%	4.9%
Total delegation activity costs	510,933,500	4.5%	4.0%	37.8%

- b) Registration of asset ownership (for real estate investment companies): None
- c) Effects (if any) of delegation activities on the Fund/securities investment company's profits and risk level: Only slightly increased costs, thus not affecting the Fund's operations.
- d) Total costs of delegated activities payable to the delegated entities (if the delegated entity provides multiple services to the Fund Management Company): As presented in section 5.a
- e) Evaluation of the delegated entities' ability to maintain internal control systems, risk management, security, technical infrastructure, hot backup systems, disaster recovery systems, etc., ensuring smooth delegated operations without affecting investors' investment activities.

The delegated entities meet the requirements for internal control systems, risk management, security, technical infrastructure, etc., ensuring smooth and uninterrupted delegated operations.

Legal representative
FPT FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY



Chairman of the BOD

Ngo Thanh Hai

